SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG LUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 247/BC-THPTML

Mường Luân, ngày 22 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN
trường THPT Mường Luân năm 2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường THPT Mường Luân công khai các nội dung tại Chương II của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2026 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Mường Luân

2. Địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử

- Địa chỉ: xã Mường Luân – huyện Điện Biên Đông – tỉnh Điện Biên
- SĐT: 0215 626 0889
- Email: muongluan@gmail.com
- Cổng thông tin điện tử: http://thptmuongluan.dienbien.edu.vn/

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp

- Loại hình trường: Công lập
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng

Tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện có nề nếp, kỷ cương, chất lượng giáo dục cao; để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân.

4.2. Tầm nhìn

Là một trong những trường THPT không chuyên thuộc tốp trung bình phải vươn lên trở thành trường trong tốp khá của tỉnh để học sinh sẽ lựa chọn học tập và rèn luyện. Là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

4.3. Mục tiêu

- Mục tiêu chung: "Chất lượng giáo dục là danh dự của nhà trường".

Phấn đấu đạt danh hiệu trường chuẩn Quốc gia, có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

- Mục tiêu riêng

Giáo dục và giảng dạy cho học sinh nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản của tất cả các môn học phổ thông; biết cách giải quyết các vấn đề một cách độc lập, sáng tạo; biết cách học và tự học; có ý thức tự giác, thật thà, thân thiện, hòa nhập và chia sẻ; có phong cách và lối sống đẹp phù hợp với truyền thống dân tộc và hiện đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THPT Mường Luân được thành lập năm 2004, đến nay nhà trường đã có hơn 20 năm xây dựng và phát triển. Có thể nói đó là hơn 20 năm phấn đấu không ngừng nghỉ của tất cả các thế hệ cán bộ giáo viên, nhân viên cũng như các thế hệ học sinh, đặc biệt là các thế hệ lãnh đạo để hôm nay trường THPT Mường Luân có thể tự hào sánh vai với các trường bạn.

Trải qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển, với những thành tích tốt đẹp đã đạt được cùng những đóng góp to lớn trong sự nghiệp trồng người, trường THPT Mường Luân đã nhiều năm được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên công nhận danh hiệu "Tập thể Lao động Xuất sắc", Bằng khen của UBND tỉnh; Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Thông tin người đại diện pháp luật:

+ Họ và tên: Vũ Xuân Hồng

+ Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: Bản Mường Luân 2 - xã Mường Luân - tỉnh Điện Biên

- SĐT: 0916 098 575

- Email: vuxuanhong333@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập

Quyết định số 56/2024/QĐ-UB, ngày 30/8/2024, Quyết định của UBND tỉnh Điện Biên về việc thành lập trường THPT Mường Luân.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

- Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường.

Quyết định số 1493/QĐ-SGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc sở GDĐT về việc kiện toàn Hội đồng trường các Trường Trung học phổ thông, nhiệm kỳ 2020-2025;

Thực hiện theo Văn bản số 6054/BGDĐT-GDPT, ngày 30/9/2025 của Bộ GD&ĐT về việc Công tác Hội đồng trường trong các trường giáo dục mầm non, phổng thông công lập.

- Danh sách thành viên hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 (trình sở GD&ĐT phê duyệt: Tờ trình số: 241/TTr-THPTML, ngày 03/9/2025 của trường THPT Mường Luân):

Stt	Họ và tên	Chức vụ hiện tại	Chức vụ trong Hội đồng
1	Vũ Xuân Hồng	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Lường Văn Thế	Trưởng phòng VH-XH xã Mường Luân	Thành viên
3	Nguyễn Thu Hiền	Giáo viên - TKHĐ	Thư ký
4	Hà Văn Tuân	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
5	Vì Văn Dinh	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
6	Vì Văn Chuẩn	Bí thư Đoàn thanh niên	Thành viên
7	Nguyễn Thị Quỳnh Hải	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
8	Vũ Chí Công	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
9	Lê Thị Duyên	Tổ trưởng văn phòng	Thành viên
10	Hoàng Công Tâm	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Thành viên
11	Tòng Thị Diệp	Đại diện học sinh	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

Quyết định số: 1360/QĐ-SGDĐT ngày 21/9/2025 về việc viên chức Vũ Xuân Hồng - Hiệu trưởng trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên Đông giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THPT Mường Luân trực thuộc sở GD&ĐT. Thời gian bổ nhiệm là 05 năm, kể từ ngày 20/8/2025.

Quyết định số: 310/QĐ-SGDĐT ngày 27/5/2022, về việc bổ nhiệm lại viên chức Vì Văn Dinh - Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Mường Luân tiếp tục giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Mường Luân

trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Thời gian bổ nhiệm là 05 năm, kể từ ngày 01/6/2022.

Quyết định số: 420/QĐ-SGDĐT ngày 26/6/2024 về việc bổ nhiệm lại viên chức Hà Văn Tuân - Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Mường Luân tiếp tục giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Mường Luân trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Thời gian bổ nhiệm là 05 năm, kể từ ngày 10/7/2024.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

Đơn vị thực hiện theo đúng quy định của Luật giáo dục, Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh Điện Biên, sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên, các văn bản Quy định của Đảng và chính quyền các cấp.

Nhà trường thực hiện Quyết định số 47/QĐ-THPTML, ngày 26/01/2026 về việc thực hiện Quy chế dân chủ trong trường THPT Mường Luân.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo; đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

- VTVL lãnh đạo, quản lý 3 người

- VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành 26 người.

- VTVL chuyên môn dùng chung 4 người

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định; đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

100% c giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

100% giáo viên, cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Trường có diện tích sử dụng là 18.515,3 m^2, bình quân 35,13 m^2/học sinh đảm bảo theo quy định.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Hiện trạng cơ sở vật chất		Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Nhờ, mượn, thuê
1	Khối phòng học						

TT	Hiện trạng cơ sở vật chất		Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Nhờ, mượn, thuê
	Chia ra: - Phòng học	phòng	13	13			
	- Phòng học bộ môn:	phòng					
	+ Vật lý	phòng	0				
	+ Hóa học, Sinh học	phòng	0				
	+ Phòng tin học	phòng	1	1			
	+ Phòng Ngoại ngữ	phòng	1		1		
	- Phòng chuẩn bị (1)	phòng	1	1			
2	Khối phòng phục vụ học tập						
	- Nhà tập đa năng	phòng	0				
	- Thư viện	phòng	1		1		
	- Phòng hoạt động Đoàn	phòng	1		1		
	- Phòng truyền thống	phòng	1	1			
3	Khối hành chính quản trị						
	- Phòng Hiệu trưởng	phòng	1		1		
	- Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng	2		2		
	- Phòng kế toán	phòng	1		1		
	- Phòng thủ quỹ	phòng	1		1		
	- Phòng họp	phòng	1	1			
	- Phòng tổ chuyên môn	phòng	2	2			
	- Phòng Y tế	phòng	1		1		
	- Phòng bảo vệ	phòng	2	1		1	
	- Phòng CĐ	phòng	0				
4	- Phòng công vụ	phòng	9		9		
5	- Phòng nội trú	phòng	12		12	2	
6	- Nhà bếp	phòng	1			1	
7	Công trình khác						
	- Nhà vệ sinh dành cho giáo viên	Nhà	0				
	- Nhà vệ sinh dành cho học sinh	Nhà	4	4			
	- Tường rào	hạng mục	1				
	- Hệ thống nước sạch	hạng mục	1				
	- Sân chơi	hạng mục	1				
	- Ga ra xe	hạng mục	1	1			

Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu cơ bản đảm bảo theo quy định.

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- Lớp 10: 01 bộ; lớp 11: 01 bộ; lớp 12: 01 bộ; đảm bảo theo quy định.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 3, lớp 7, lớp 10 sử dụng trong cơ

sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 4, lớp 8, lớp 11 và môn Lịch sử lớp 10 (bổ sung) sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 5, lớp 9, lớp 12 và bổ sung trong trong cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Điện Biên từ năm học 2024 – 2025.

- Thực hiện Văn bản số 3602/UBND-KGVX, ngày 22/7/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông năm học 2025 - 2026.

- Quyết định số 3588/QĐ-BGDĐT ngày 26/12/2025 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quyết định bộ sách giáo khoa giáo dục phổ thông sử dụng thống nhất toàn quốc.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá, đối sánh số liệu với năm liền kề

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng giáo dục, kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá, rà soát đối chiếu kết quả đạt được với tiêu chí kiểm định đảm bảo duy trì kết quả đã đạt được đồng thời nhà trường phấn đấu để đạt kiểm định chất lượng về giáo dục và đề nghị đánh giá ngoài.

Quyết định số 271/QĐ-THPTML, ngày 15/09/2025 Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá năm học 2025-2026.

Kế hoạch số 272/KH-THPTML, ngày 15/09/2025 Kế hoạch về việc Tự đánh giá năm học 2025-2026.

Quyết định số 55/QĐ-THPTML, ngày 29/01/2026 Quyết định về việc Ban hành Báo cáo tự đánh giá trường học năm học 2025-2026.

Kế hoạch số 95/QĐ-THPTML, ngày 11/03/2026 Kế hoạch về việc cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2025-2026.

Nhà trường thực hiện đúng các quy trình tự đánh giá và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục nhằm mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước, đối sánh số liệu với năm liền kề

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

- Kết quả công tác tuyển sinh là 225 học sinh so với năm học 2024-2025 tăng 01 lớp, 45 học sinh, so kế hoạch giao 225/225 đạt 100%.

- Tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Nội dung	Tổng số	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Số lớp	13	5	4	4
Số học sinh	505	209	148	148
Tỷ lệ học sinh trên lớp	38,85	41,80	37,00	37,00
Số lớp học hai buổi trên ngày	13	5	4	4
Số học sinh học hai buổi trên ngày	505	209	148	148

Số học sinh dân tộc thiểu số: 495; số học sinh nữ 208, nữ dân tộc: 207.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

- Kết quả giáo dục 2 mặt học sinh (chất lượng đại trà)

Năm học	Xếp loại rèn luyện%				Xếp loại học tập %				
	Tốt	Khá	Đạt	CĐ	Tốt	Khá	Đạt	CĐ	Kém
2025-2026	84,60	10,09	3,37	0,99	6,73	74,70	17,00	1,39	0.0

- Lên lớp thẳng: 350/357 =98,03%; thi lại 05/357 = 1,40% ; Rèn luyện lại trong hè 03/357= 0,84%; Lưu ban : 02/357= 0,56%.

- HS đạt danh hiệu HSG: 34/505= 6,73%

- Số học sinh giảm: 23 HS trong đó 02 HS chuyển trường; Số học sinh bỏ học: 21/528 =3,98% .

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

- Số học sinh công nhận hoàn thành chương trình và dự thi Tốt nghiệp THPT 148/148= 100%

- Kết quả tốt nghiệp THPT năm 2025: 145/148 đạt 97,97%

- Kết quả tốt nghiệp THPT năm 2026: Chưa có kết quả

- Số học sinh trúng tuyển đại học: Chưa có kết quả.

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài): Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

(Có biểu phụ lục kèm theo)

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Quản trị nhân sự: Căn cứ nguồn nhân lực hiện có và mới tuyển bổ sung, phân công nhiệm vụ, PCGD phù hợp, hiệu quả.

- Tuyển sinh: Đảm bảo theo Kế hoạch sở GD&ĐT giao 225 học sinh.

- Truyền thông: Thực hiện hiệu quả, truyền tải được các thông tin quan trọng trên fanpage ngành và website trường.

- Kết quả thực hiện đảm bảo an ninh trường học, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống cháy nổ đảm bảo an toàn, đúng quy định.

Trên đây là nội dung Báo cáo công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo của trường THPT Mường Luân. Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Sở GD&ĐT (phòng QLCL để b/c);
- Ban Giám hiệu;
- Đoàn TN, TTCM, TTVP;
- GV, NV toàn trường;
- Website trường;
- Niêm yết bảng tin theo QiĐ;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MƯỜNG LUÂN

Vũ Xuân Hồng

SỐ LIỆU CÔNG KHAI SỐ LIỆU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Tiểu mục	Nội dung chi	Nguồn ngân sách nhà nước		
		NSNN trong nước		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
D	E	4	5	6=5-4
	Tổng số	**12.826.295.683**	**12.826.295.683**	
	I. Kinh phí được giao tự chủ	**8.525.722.752**	**8.525.722.752**	
	Giáo dục trung học phổ thông	**8.525.722.752**	**8.525.722.752**	
	Tiền lương	**3.017.129.710**	**3.017.129.710**	
6001	Lương theo ngạch, bậc	3.017.129.710	3.017.129.710	
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	**192.241.524**	**192.241.524**	
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	192.241.524	192.241.524	
	Phụ cấp lương	**3.863.268.162**	**3.863.268.162**	
6101	Phụ cấp chức vụ	83.187.000	83.187.000	
6102	Phụ cấp khu vực	596.817.000	596.817.000	
6103	Phụ cấp thu hút	297.142.020	297.142.020	
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	5.762.700	5.762.700	
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	5.616.000	5.616.000	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.931.186.745	1.931.186.745	
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	33.199.200	33.199.200	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	333.889.497	333.889.497	
6121	Phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	545.229.000	545.229.000	
6149	Phụ cấp khác	31.239.000	31.239.000	
	Tiền thưởng	**35.100.000**	**35.100.000**	
6201	Thưởng thường xuyên	35.100.000	35.100.000	
	Phúc lợi tập thể	**185.161.040**	**185.161.040**	
6253	Tiền tàu xe nghỉ phép năm	15.511.040	15.511.040	
6299	Chi khác	169.650.000	169.650.000	
	Các khoản đóng góp	**808.257.152**	**808.257.152**	
6301	Bảo hiểm xã hội	633.341.475	633.341.475	
6302	Bảo hiểm y tế	108.572.817	108.572.817	
6303	Kinh phí công đoàn	39.160.233	39.160.233	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	27.182.627	27.182.627	
	Thanh toán dịch vụ công cộng	**40.834.401**	**40.834.401**	
6501	Tiền điện	40.834.401	40.834.401	
	Vật tư văn phòng	**56.561.560**	**56.561.560**	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MƯỜNG LUÂN

6551	Văn phòng phẩm	49.511.560	49.511.560	
6553	Khoán văn phòng phẩm	4.800.000	4.800.000	
6599	Vật tư văn phòng khác	2.250.000	2.250.000	
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	**13.342.733**	**13.342.733**	
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	4.459.400	4.459.400	

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp ……..	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**12.856.740.000**
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Nghiên cứu khoa học**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề (3.1+3.2+3.3)**	**12.856.740.000**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	**12.856.740.000**
3.3	Kinh phí cải cách tiền lương	